

# CÂN BẰNG TÀI KHÓA VÀ NỢ CÔNG



**Jay k. Rosengard**

**Trường Quản lý Nhà nước Kennedy**

**Đại học Harvard**

# Các lập luận ủng hộ ngân sách cân bằng

- Cung cấp một phương tiện bên ngoài, khách quan để phi chính trị hóa các quyết định tài khoá khó khăn
- Khuyến khích hiệu quả kinh tế
- Bổ sung một chính sách tiền tệ thận trọng
- Tăng tính nhất quán và khả năng tiên đoán của chỉ tiêu công

# Các lập luận chống lại ngân sách cân bằng

- Suất sinh lợi đầu tư / phát triển kinh tế lý giải cho chi tiêu tài chính
- Nguồn thu trong nước dự kiến sẽ tăng mạnh
- Làm dịu đi những suy thoái tạm thời trong nền kinh tế
- Mua ổn định chính trị xã hội
- Nếu nguồn thu tương lai được ước tính quá cao, thanh toán nợ có thể:
  - Phân tán những nguồn lực khan hiếm
  - Lấn át khu vực tư nhân
  - Làm hại những thế hệ tương lai

# Cơ sở có tính chiết trung

- Phân biệt giữa các thành phần ngân sách
  - Chi tiêu thường xuyên so với chi tiêu vốn
  - Ngân sách cân bằng động
- Sử dụng khung thời gian nhiều năm
  - Thâm hụt chia ra giai đoạn lũy tiến
  - Ngân sách cân bằng trung hạn

# Tài trợ thâm hụt

- Nguồn của nợ: nước ngoài so với trong nước
- Loại nợ: ưu đãi so với thương mại
- Sử dụng nợ: bù đắp chi phí so với khu vực xã hội
- Nguồn phi nợ: viện trợ không hoàn lại nước ngoài, đóng góp khu vực tư nhân, cộng đồng

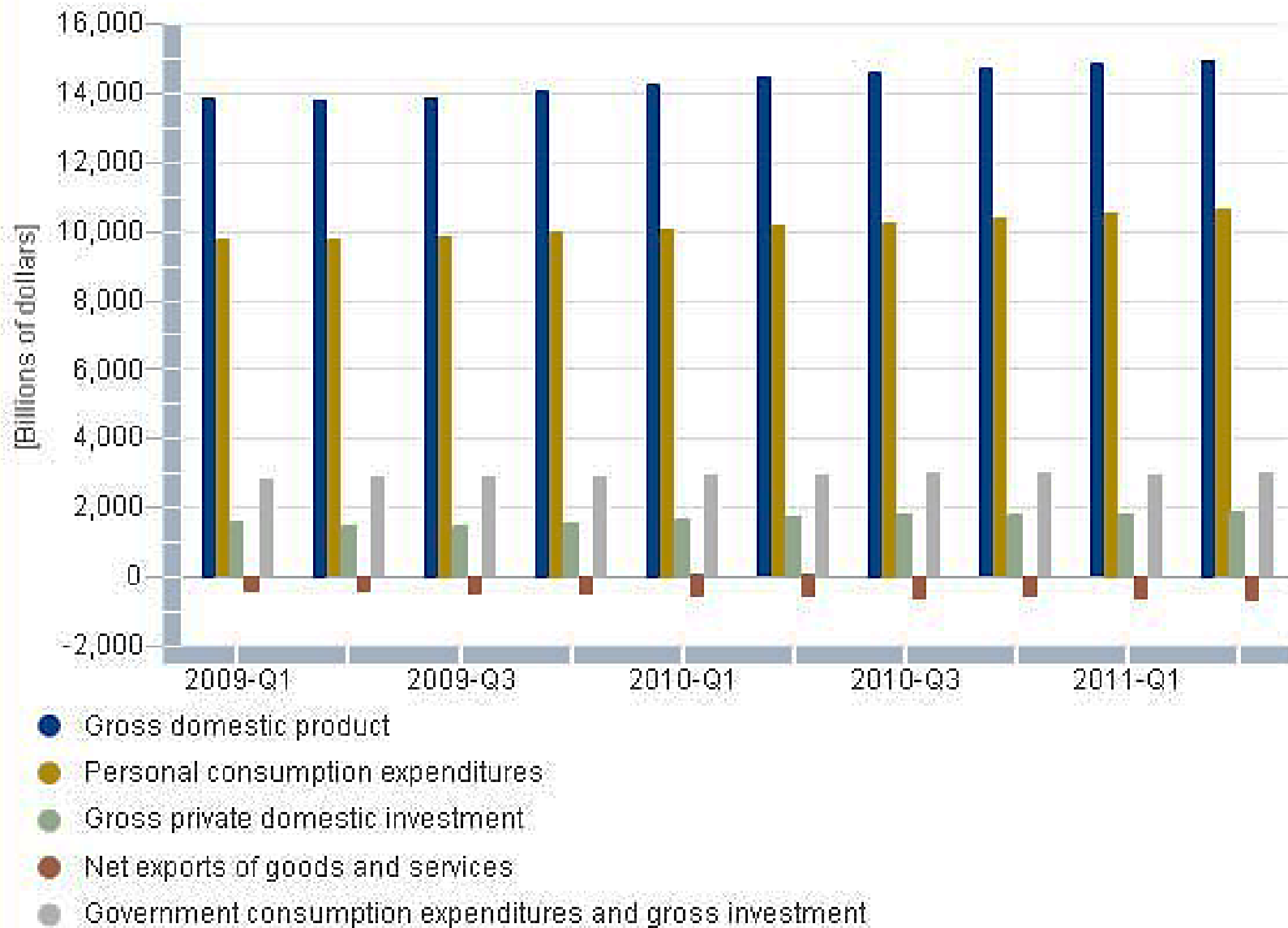
# Sai lầm phổ biến

- Năng lực hấp thụ kinh tế và hành chính hạn chế trong việc quản lý vay nợ → lãng phí, tham nhũng, những vấn đề về bộ máy quy trình
- Bảo lãnh ngầm của chính phủ đối với các khoản nợ nước ngoài tư nhân → nghĩa vụ nợ phát sinh khu vực công lớn

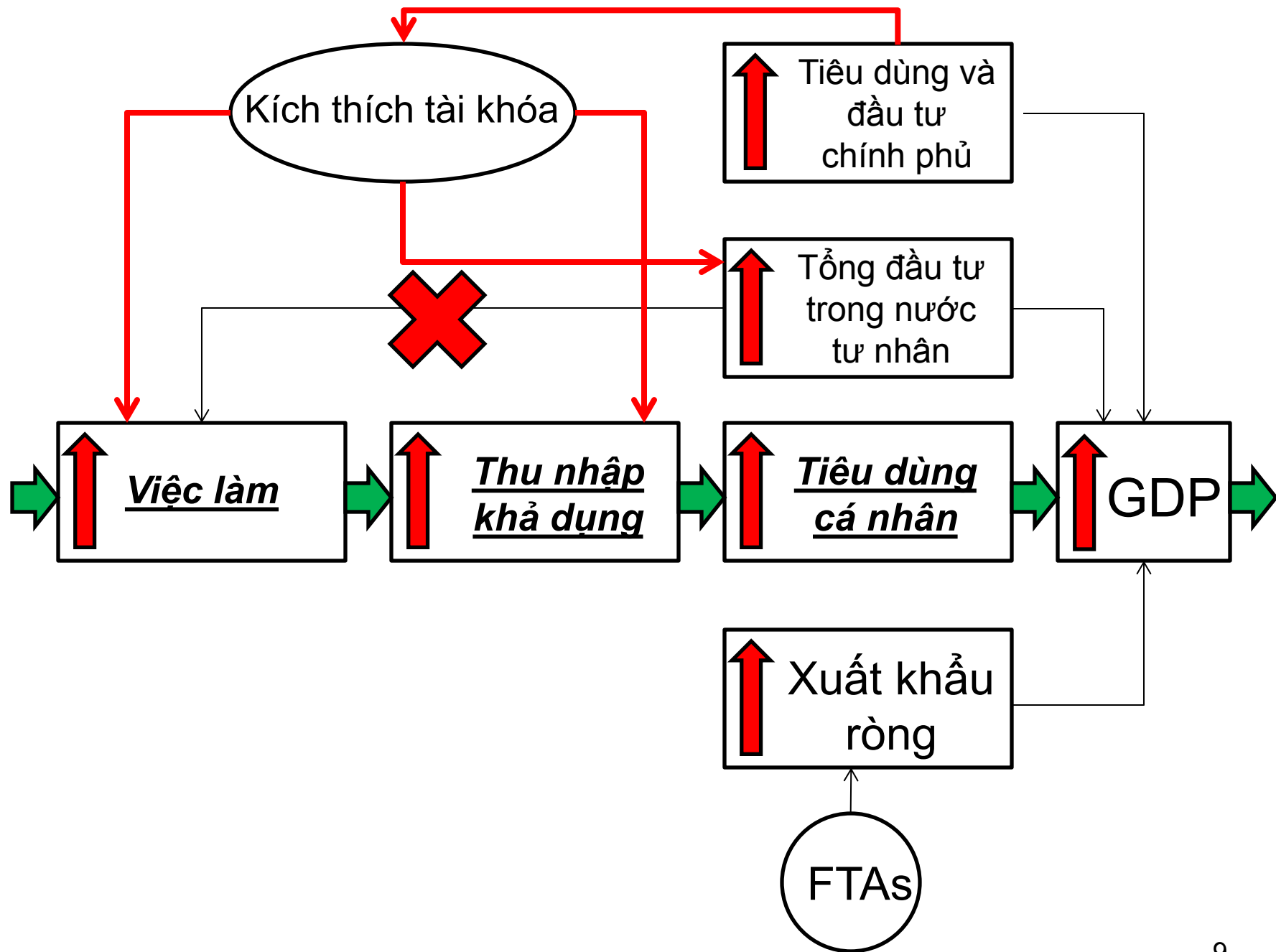


Table 1.1.5. Gross Domestic Product

*Last Revised on: August 26, 2011 - Next Release Date September 29, 2011*



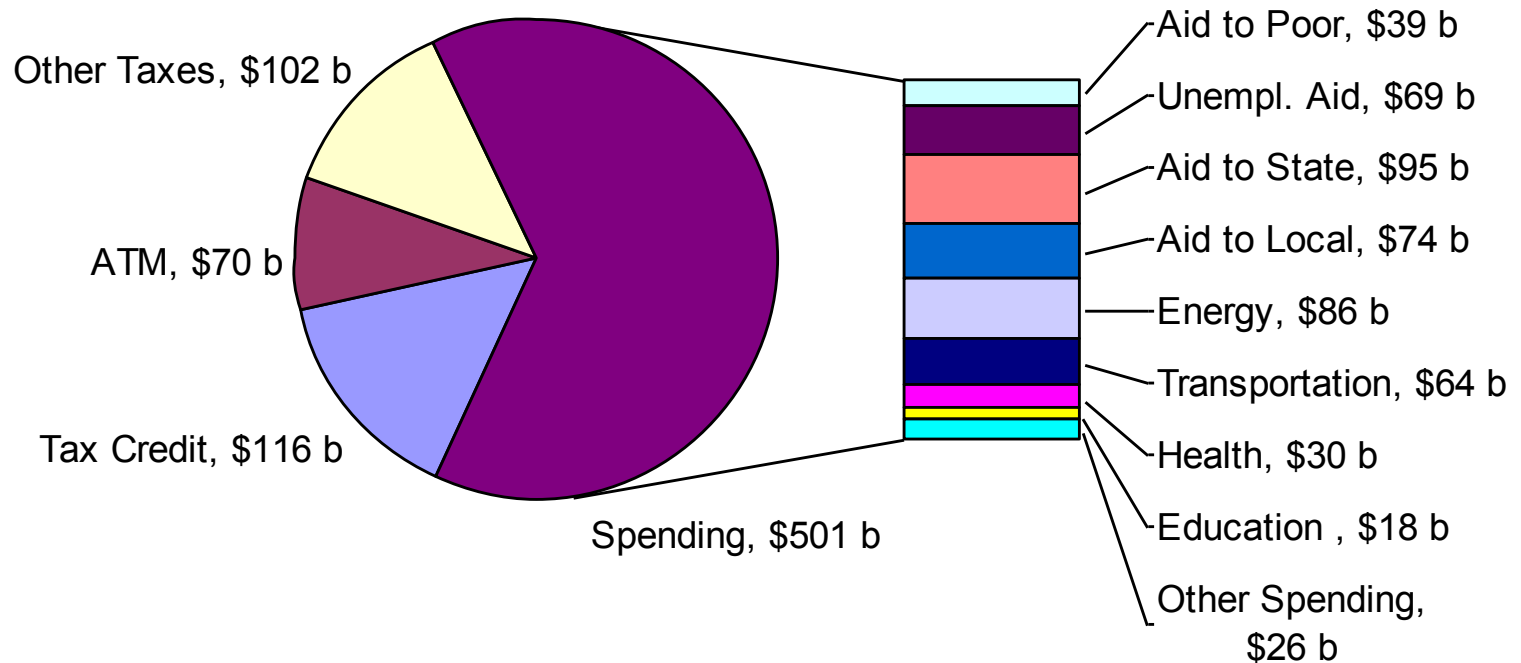
Source: U.S. Bureau of Economic Analysis



# Các gói kích thích của Mỹ (1)

- Đạo luật kích thích kinh tế (Bush, 2008)
  - Tổng chi tiêu /Tổng cam kết: \$168 b/\$168 b
  - Được trả dưới hình thức hoàn thuế thu nhập
  - Phần lớn viện trợ được tiết kiệm, không phải chi tiêu
- Đạo luật phục hồi và tái đầu tư Hoa Kỳ: \$787 tỷ (Obama, 2009)
  - Phải tối đa hóa tốc độ và biên độ của gói kích thích, hỗ trợ những ai dễ bị tổn hại nhất, và đầu tư vào năng lực cạnh tranh trong tương lai
  - $\approx$  \$500 tỷ chi tiêu: viện trợ cho người nghèo và thất nghiệp (\$107 tỷ), viện trợ cho chính quyền bang (\$169 tỷ), cơ sở hạ tầng (\$224 tỷ)
  - $\approx$  \$288 tỷ giảm thuế: giảm thuế chung (\$116 tỷ), AMT (\$70 tỷ), giảm thuế đại học (\$14 tỷ), giảm thuế trẻ em (\$15 tỷ), ưu đãi thuế năng lượng tái tạo (\$20 tỷ), khác (\$53 tỷ)
  - 92% quỹ, ngoại trừ các lợi ích về thuế, sẵn có (12/11/10)

# American Recovery & Reinvestment Act



# Các gói kích thích của Mỹ (2)

- Gói giảm thuế/ trợ cấp thất nghiệp: \$858 tỷ (Obama, 2010)
  - \$801 giảm thuế (có hiệu lực cho hai năm tiếp theo)
    - Kéo dài tất cả các thuế suất thu nhập cá nhân được giảm dưới thời Bush
    - Kéo dài thuế suất 15% đánh lên chênh lệch giá trị vốn và cổ tức được ban hành dưới thời Bush
    - Đưa ra các tham số thuế tài sản mới (miễn thuế cao hơn, thuế suất thấp hơn)
    - Bao gồm nhiều loại giảm và khấu trừ thuế bổ sung
    - Cung cấp một cơ sở tạm thời cho thuế tối thiểu thay thế
    - Giảm thuế bảo hiểm lương an sinh xã hội từ 6.2% xuống 4.2%
    - $\approx \frac{1}{4}$  của tổng tiết kiệm thuế sẽ đi vào nhóm 1% dân số giàu nhất
  - \$57 tỷ cho trợ cấp thất nghiệp kéo dài
    - Tiếp tục kéo dài trợ cấp thêm 13 tháng cho phép người thất nghiệp dài hạn được nhận đến 99 tuần

# Chính sách tài khóa:

## Các gói kích thích quốc gia/ GDP 2007

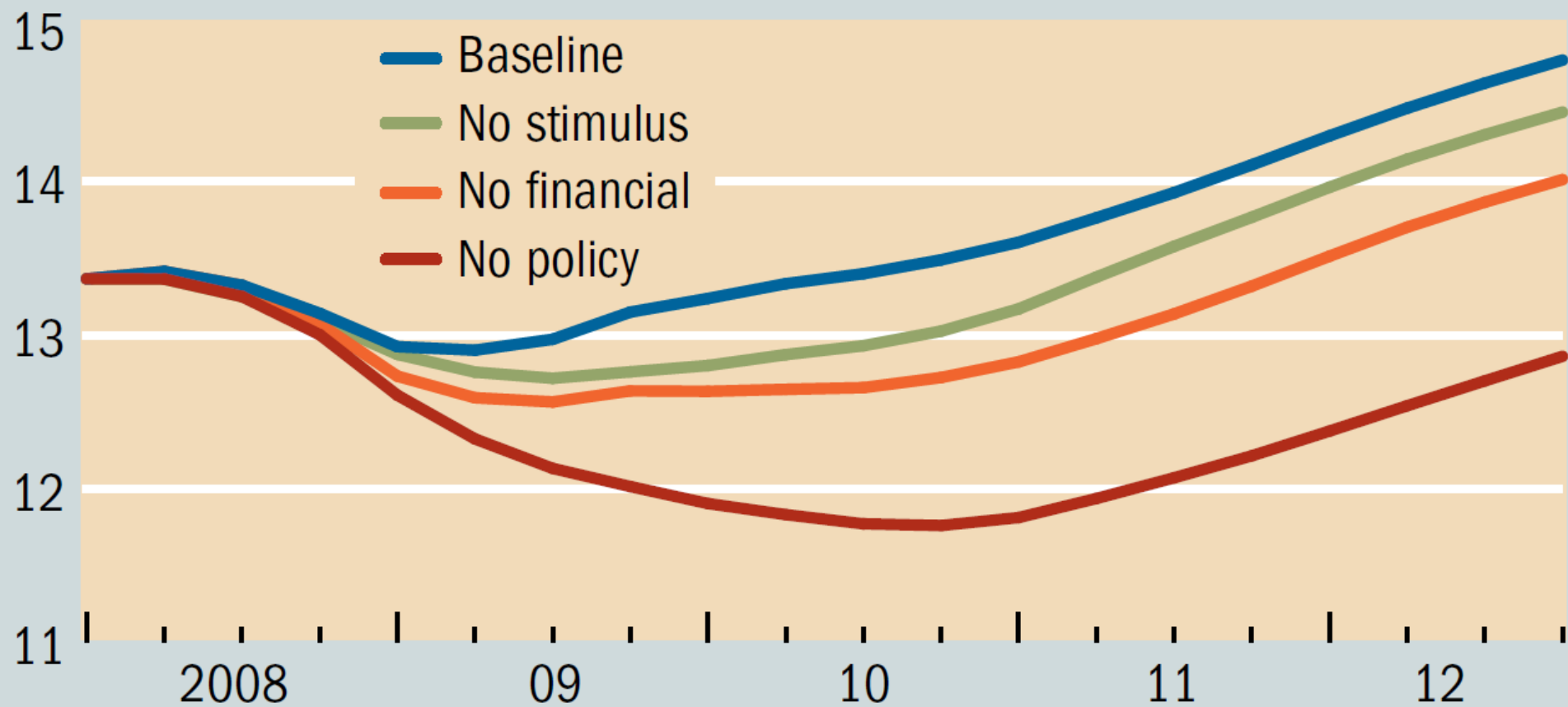
- Mỹ: \$955 tỷ → \$1.8 ngàn tỷ (\$168 tỷ + \$787 tỷ + \$858 tỷ) [6.8% → 12.9%]
- China: \$586 tỷ (4 ngàn tỷ NDT) [13.5%] [ $\approx$ 1.8% ròng]
- Japan: \$270 tỷ (\$116 tỷ + \$154 tỷ) (¥27 ngàn tỷ) [5.5%]
- Germany: \$69 tỷ [1.9%]
- France: \$33 tỷ [1.2%]
- United Kingdom: \$30 tỷ [1.1%]
- Spain: \$14 tỷ [0.9%]
- South Korea: \$11 tỷ [1.2%]

# Thiết kế các gói kích thích

- Quy mô
  - Quá lớn → lạm phát, chèn lấn khu vực tư nhân
  - Quá nhỏ → tác động không đáng kể
- Thời điểm
  - Quá nhanh → năng lực hấp thụ bị quá tải
  - Quá chậm → độ trễ thời gian kém hiệu quả
- Cơ cấu
  - Hình thức sai → tiết kiệm > tiêu dùng & đầu tư
  - Sai mục tiêu → thiếu hiệu quả kinh tế, tham nhũng

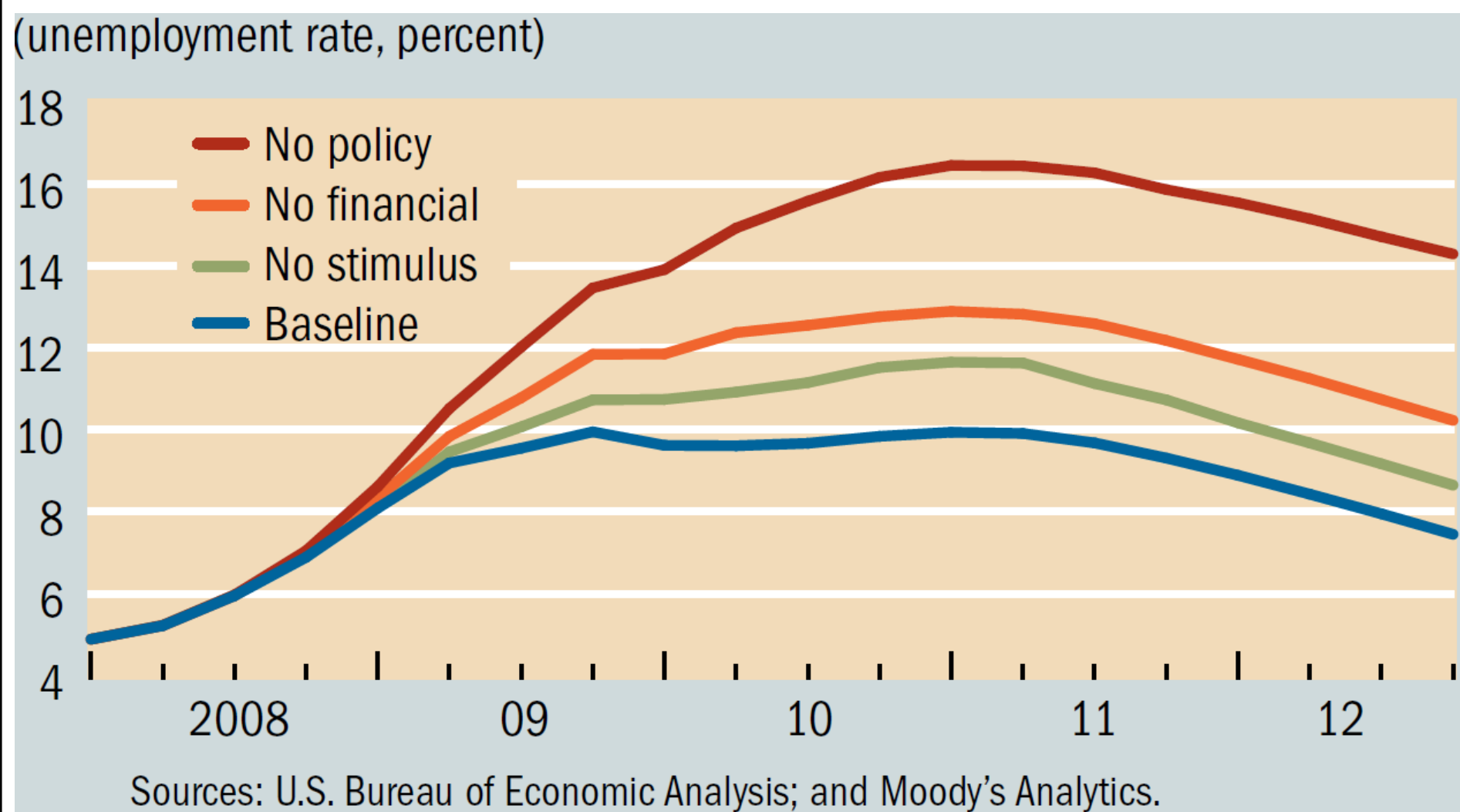
# Các gói kích thích đã có hiệu quả không? (1)

(U.S. real GDP, trillions of dollars)



Sources: U.S. Bureau of Economic Analysis; and Moody's Analytics.

# Các gói kích thích đã có hiệu quả không? (2)



# Chính sách tài khóa: Gói thắt chặt quốc gia

- Vương quốc Anh
  - £83 tỷ (\$130 tỷ) cắt giảm trước năm 2015
  - 5.6% của GDP 2010 (£1.474 ngàn tỷ)
  - Cắt giảm chi tiêu mạnh nhất trong hơn 60 năm
  - Thâm hụt 10-12% GDP
  - Giảm trung bình 19% đối với bộ ngành chính phủ
  - Cắt giảm mạnh phúc lợi, đặc biệt đối với người thất nghiệp
  - Loại bỏ 490,000 việc làm khu vực công (20% tổng số thất nghiệp, khoảng 6 triệu việc làm hiện nay trong khu vực công)
  - Tăng VAT từ 17.5% lên 20.0% tháng 1/2011
- Các ví dụ khác bao gồm Hy Lạp và Ireland
- Các bên ủng hộ
  - Mỹ so với châu Âu; Dân chủ so với Cộng hòa so với Đảng Trà; Liên bang so với địa phương
- Gói kích thích nghịch chu kỳ ngắn hạn so với lòng tin của nhà đầu tư và năng lực cạnh tranh kinh tế dài hạn

# Chính sách thắt chặt có thúc đẩy tăng trưởng?

- Nghiên cứu của IMF về 173 thay đổi chính sách tài khóa ở các nước thu nhập cao từ 1978-2009 cho thấy cắt giảm thâm hụt ngân sách 1% GDP → giảm sản lượng thực  $\frac{2}{3}$  %, tăng tỷ lệ thất nghiệp khoảng  $\frac{1}{3}$  %
- Ngoại lệ (“thắt chặt mở rộng”)
  - Bắt đầu với nền kinh tế mạnh, có lãi suất rất cao (Đan Mạch 1983-86)
  - Bắt đầu với đồng tiền được định giá quá cao (Ireland 1987-89 và Ý trong thập kỷ 1990)

# Lo ngại dài hạn : Thâm hụt và nợ

- Năm 2001, tạo ra một thặng dư ngân sách và tổng nợ liên bang tính theo tỷ lệ GDP bằng một nửa của mức hiện nay
- Từ năm 2007, thâm hụt ngân sách liên bang theo tỷ lệ GDP tăng gấp 7 lần (hiện nay 8.5%) và tổng nợ liên bang theo tỷ lệ GDP tăng 62.2% (hiện nay 104.8%)
- Lãi của nợ liên bang theo tỷ lệ GDP cũng sẽ tăng (dự kiến đạt 2.8% năm 2017, hay \$565 tỷ và 12.5% của tổng chi tiêu liên bang)
- Nhu cầu củng cố tài khóa kết hợp nguồn thu tăng và chi tiêu giảm
  - 2009 fed thu 15.1% GDP, thấp nhất kể từ năm 1950; thường 18-20% từ CTTG II, vẫn chỉ 15.8% năm 2012 (ước tính)
  - 2009 fed chi 25.2% GDP, cao nhất kể từ 1945; tăng 27.9% từ 2007, vẫn 24.3% năm 2012 (ước tính)

# Running up the tab

*Debt as a percentage of gross domestic product*

The federal debt fell steadily after World War II.

In the early 1980s, the government increased spending while cutting taxes and the debt began to rise.

An economic expansion in the 1990s briefly reversed the debt's growth.

125%

Today:  
\$16.4 tr.

After GW Bush:  
\$11.9 tr.

End of  
GHW Bush: Prior to  
\$4.4 tr. GW Bush:  
\$5.8 tr.

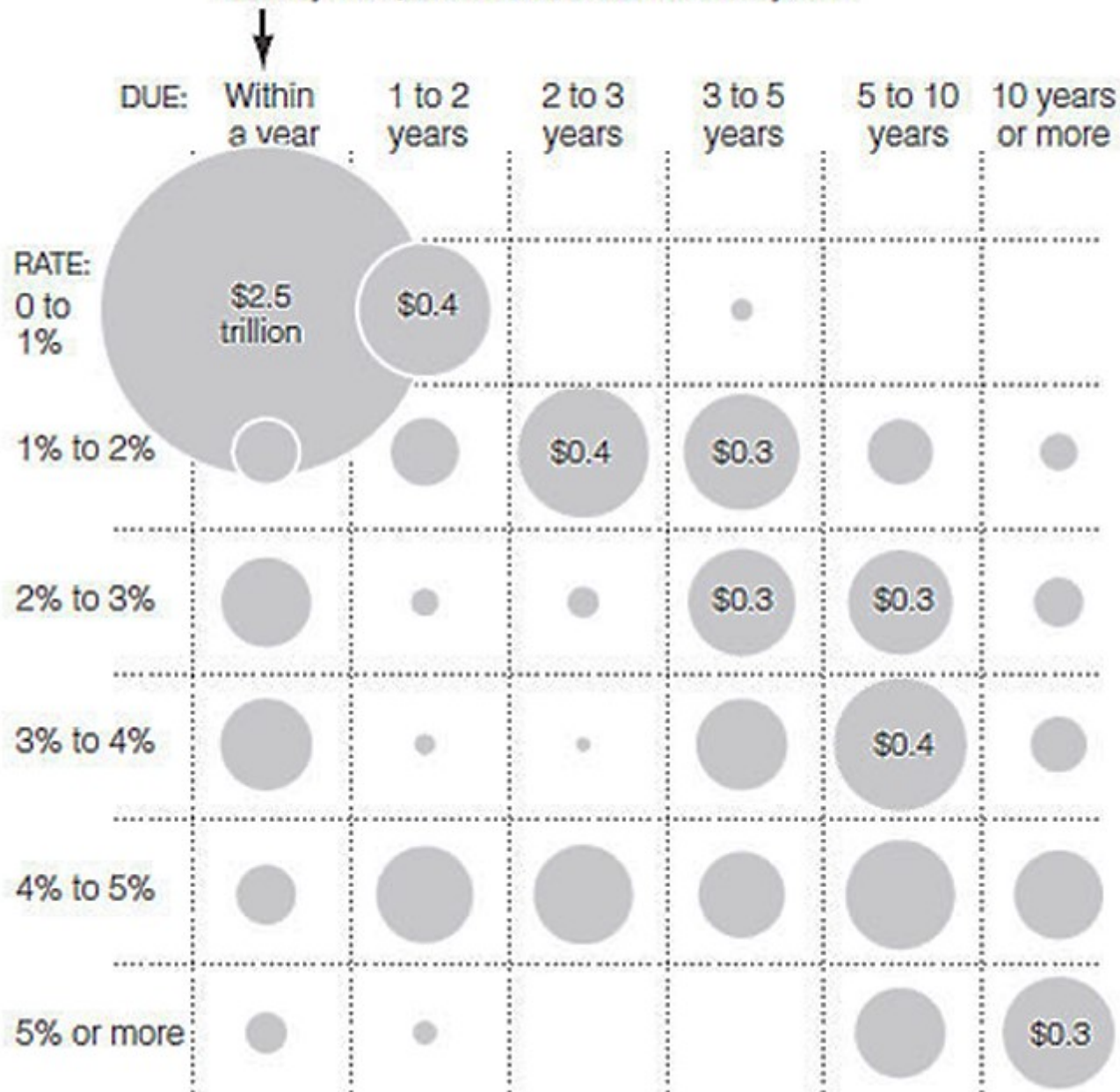
Prior to  
Reagan:  
\$1 tr.

A 2001 recession, tax cuts, war costs and the economic crisis accelerated the debt's growth.

WHITE HOUSE PROJECTIONS\*

1930 '40 '50 '60 '70 '80 '90 '00 '10 '19

At the end of October, 36 percent of the debt held by the public was due within a year.



## The creditors

U.S. GOVERNMENT ——— HELD BY THE PUBLIC ———

Social Security  
Trust Fund      Other      China      Japan      Other foreign  
governments      Other  
private

|      |     |    |   |    |    |    |
|------|-----|----|---|----|----|----|
| 2009 | 22% | 14 | 7 | 6  | 16 | 34 |
| 1999 | 17% | 19 | 3 | 23 | 38 |    |

# Đại thỏa hiệp?

- Làm thế nào để gia tăng thêm hiệu quả và bình đẳng của nguồn thu
  - Có thể vừa tăng thu từ thuế vừa giảm thuế suất bằng cách mở rộng cơ sở thuế (giảm chi thuế)
  - Năm 2010 đa số đóng thuế ít hơn những người có cùng mức thu nhập đã điều chỉnh theo lạm phát đóng vào năm 1980 vì được cắt giảm thuế thu nhập liên bang; bù trừ cho mức thu nhập thấp hơn bằng thuế bảng lương liên bang, thuế kinh doanh bang, thuế bất động sản địa phương cao hơn
- Cắt giảm chi tiêu ở đâu để bảo đảm thực sự có ý nghĩa
  - Chi tiêu bắt buộc hiện nay chiếm  $\frac{2}{3}$  tổng chi tiêu
  - Mỹ chiếm trên  $> 40\%$  chi tiêu cho quốc phòng trên toàn thế giới, và gần bằng con số của 14 quốc gia đứng kế cộng lại

